

Số: 354 /NHNN-CNTH
V/v: Hướng dẫn việc gửi, kiểm tra,
duyet, tra soát báo cáo và công nghệ
thông tin để triển khai Thông tư
31/2013/TT-NHNN.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

Kính gửi: - Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước;
- Các Tổ chức tín dụng;
- Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Triển khai Thông tư số 31/2014/TT-NHNN (Thông tư 31) ngày 13/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện về công nghệ thông tin như sau:

I. Quy định về việc gửi, kiểm tra, duyệt và tra soát báo cáo

Quy định chi tiết về việc gửi, kiểm tra, duyệt và tra soát báo cáo của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 công văn này.

II. Quy định về công nghệ thông tin

1. Cấu trúc hệ thống mã chỉ tiêu báo cáo thống kê

1.1. Mã kỳ báo cáo, mã nhóm, mã phân nhóm

- **Mã kỳ báo cáo:** được cụ thể hóa theo Khoản 1, Điều 11 Thông tư 31.

Bảng 1 – Mã kỳ báo cáo

Mã kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo	Quy định ngày số liệu
1	Ngày	Ngày báo cáo
2	3 kỳ/tháng	Ngày 10, 20, và ngày cuối tháng
3	2 kỳ/tháng	Ngày 15 và ngày cuối tháng
4	Tháng	Ngày cuối của tháng báo cáo
5	Quý	Ngày cuối của quý báo cáo
6	6 tháng	Ngày cuối của tháng 6 và tháng 12
7	Năm	Ngày cuối của năm báo cáo

- **Mã nhóm:** được đánh số từ 1 đến 8, chi tiết như sau:

Bảng 2 – Mã nhóm báo cáo

Mã nhóm	Tên nhóm
1	Tín dụng
2	Huy động vốn
3	Lãi suất
4	Thanh toán và ngân quỹ
5	Hoạt động ngoại hối
6	Góp vốn, mua cổ phần
7	Thị trường tiền tệ
8	Giám sát, bảo đảm an toàn hoạt động của TCTD

- **Mã phân nhóm:** được quy định chi tiết tại Phụ lục 2 công văn này.

1.2. Mã chỉ tiêu báo cáo

Mã chỉ tiêu báo cáo được các đơn vị báo cáo sử dụng cho việc gửi chỉ tiêu báo cáo theo Thông tư 31, quy định như sau:

- **Mã chỉ tiêu cơ bản** = Mã phân nhóm + xx (01→99: xx số thứ tự của chỉ tiêu theo từng phân nhóm). Các mã chỉ tiêu cơ bản được quy định chi tiết tại cột “**Mã chỉ tiêu cơ bản**” Phụ lục 3 công văn này.

Ví dụ: Phân nhóm 1A024: sẽ có các mã chỉ tiêu cơ bản: 1A02401, 1A02402

- **Mã chỉ tiêu kết hợp** = Mã chỉ tiêu cơ bản + Mã thống kê 1 + Mã thống kê 2+... + Mã thống kê n.

Trong đó Mã thống kê 1,2... n được quy định chi tiết tại Phụ lục 6 công văn này

Ví dụ: Chỉ tiêu 1A02401: sẽ có các chỉ tiêu kết hợp dạng: 1A02401yyyy. Trong đó yyyy là mã ngành kinh tế được quy định tại Bảng 1 Phụ lục 6 Thông tư 31.

- **Mã chỉ tiêu lặp** = Mã chỉ tiêu cơ bản + Mã thống kê 1 + Mã thống kê 2+ ... + Mã thống kê n + “-” + xx (số thứ tự lặp loại 1) + “-” + yy (số thứ tự lặp loại 2) + + “-” + zz(số thứ tự lặp loại n).

Ví dụ: Chỉ tiêu 7A03401: sẽ có các chỉ tiêu lặp dạng: 7A03401tppp-aaaa. Trong đó tt là loại hình mua bán nợ, pp là tổ chức mua bán nợ, aaaa là số thứ tự đơn vị.

- **Mã chỉ tiêu báo cáo** có thể là một trong ba loại (Mã chỉ tiêu cơ bản, Mã chỉ tiêu kết hợp hoặc Mã chỉ tiêu lặp), chi tiết các mã chỉ tiêu báo cáo được quy định tại Phụ lục 3 công văn này.

Các ký hiệu mã thống kê và mã lặp được sử dụng trong việc mã hóa chỉ tiêu được quy định chi tiết tại Phụ lục 6 công văn này.

Ví dụ:

Mã chỉ tiêu cơ bản	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu báo cáo	Ghi chú
1C501	Dư nợ tín dụng có bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên vay	1C501	Chỉ tiêu cơ bản
1A02401	Dư nợ tín dụng có bảo đảm bằng tài sản đối với ngành kinh tế yyyy	1A024010101 1A024010201	Chỉ tiêu kết hợp mã thống kê
6A01501	Tên đơn vị thứ aaaa mà TCTD góp vốn mua cổ phần	6A01501-0001 6A01501-0002	Chỉ tiêu lập
7A03401	Mã số thuế đơn vị aaaa thuộc loại hình tt mua nợ thuộc sở hữu của tổ chức pp	7A034010101-0001 7A034010201-0002	Chỉ tiêu kết hợp mã thống kê và có lập (gọi chung là chỉ tiêu lập)

2. Các quy định về file báo cáo

Các báo cáo chỉ tiêu và báo cáo mẫu biểu được lập và gửi dưới hình thức file báo cáo điện tử. Chi tiết quy định tại Phụ lục 5 công văn này.

3. Các quy định về chỉ tiêu không phát sinh

Chỉ tiêu không phát sinh được lập và gửi cùng với file báo cáo (*các chỉ tiêu phát sinh giá trị bằng 0 được gửi như một chỉ tiêu phát sinh bình thường*). Chi tiết đối với các loại chỉ tiêu báo cáo không phát sinh như sau:

3.1. Chỉ tiêu báo cáo là chỉ tiêu cơ bản

- Chỉ tiêu cơ bản không phát sinh gửi mã chỉ tiêu đó với giá trị là “KPS”

Ví dụ: Đối với chỉ tiêu cơ bản: 1C501 (*Dư nợ tín dụng có bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên vay*), nếu chỉ tiêu này không phát sinh thì báo cáo chỉ tiêu 1C501 với giá trị là “KPS”.

3.2. Chỉ tiêu báo cáo là chỉ tiêu kết hợp và chỉ tiêu lập

- Nếu tất cả các chỉ tiêu kết hợp hoặc chỉ tiêu lập của một chỉ tiêu báo cáo đều không phát sinh gửi mã chỉ tiêu cơ bản với giá trị là “KPS”.

Ví dụ: Đối với chỉ tiêu: 1A01401 (*Dư nợ tín dụng bằng loại tiền kk đối với ngành kinh tế yyyy*), đây là chỉ tiêu kết hợp được mã hóa thành: 1A01401kkyyyy.

Nếu tất cả các chỉ tiêu kết hợp này đều không phát sinh thì chỉ cần gửi mã chỉ tiêu cơ bản 1A01401 với giá trị là “KPS”.

Nếu chỉ có một số chỉ tiêu kết hợp hoặc chỉ tiêu lập phát sinh thì chỉ gửi các chỉ tiêu có phát sinh, còn các chỉ tiêu không phát sinh còn lại không phải gửi và ngầm hiểu đó là các chỉ tiêu không phát sinh.

Ví dụ: Đối với chỉ tiêu: 1A01401 (*Dư nợ tín dụng bằng loại tiền kk đối với ngành kinh tế yyyy*), đây là chỉ tiêu kết hợp được mã hóa thành: 1A01401kkyyyy. Nếu chỉ có một số chỉ tiêu phát sinh cụ thể là:

+ 1A01401000201: Dư nợ tín dụng bằng loại tiền VND đối với ngành kinh tế khai khoáng.

+ 1A01401000301: Dư nợ tín dụng bằng loại tiền VND đối với ngành kinh tế xây dựng.

Đơn vị báo cáo chỉ cần báo cáo hai chỉ tiêu phát sinh trên, các chỉ tiêu kết hợp còn lại của chỉ tiêu này mà không phát sinh thì không phải báo cáo.

4. Các mẫu biểu báo cáo

4.1. Quy định chung cho các mẫu biểu báo cáo

Các mẫu biểu báo cáo điện tử (*được quy định mã biểu tại Phụ lục 4 công văn này*) được lập theo định dạng file MS Excel 2003. Các mẫu biểu báo cáo bằng văn bản (*không tạo dưới hình thức dữ liệu điện tử*) không thuộc phạm vi hướng dẫn văn bản này. Các mẫu biểu báo cáo điện tử được tải về tại mục 3.26 – Quản lý mẫu biểu báo cáo theo Thông tư 31 trên trang Web <https://bctk.sbv.gov.vn>

4.2. Quy định mẫu biểu báo cáo không phát sinh

Đến thời hạn gửi các báo cáo điện tử không phát sinh trong kỳ, các đơn vị báo cáo thực hiện tạo file không phát sinh cho mẫu biểu theo quy định tại Phụ lục 4 công văn này với nguyên tắc:

- Đối với đơn vị báo cáo có nhiều chi nhánh, hội sở chính lập báo cáo mẫu biểu không phát sinh của tất cả các chi nhánh và hội sở chính vào chung một file báo cáo.

- Trong file mẫu biểu báo cáo không phát sinh chỉ liệt kê tên các mẫu biểu báo cáo không phát sinh của từng đơn vị báo cáo trong kỳ báo cáo.

Trường hợp gửi lại file mẫu biểu báo cáo không phát sinh trong kỳ phải gửi lại toàn bộ cả file.

5. Hướng dẫn đăng ký và kích hoạt chứng thư số

Đơn vị báo cáo thực hiện đăng ký và kích hoạt chứng thư số theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 7 công văn này.

6. Hướng dẫn kết nối mạng truyền thông

Đơn vị báo cáo nếu chưa kết nối mạng truyền thông với NHNN, thực hiện đăng ký theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-NHNN ngày 25/4/2012 của

Thông đốc NHNN ban hành về việc quản lý và sử dụng mạng máy tính của NHNN Việt Nam.

7. Quy định về việc gửi dữ liệu trong thời gian chuyển giao

Từ ngày 01/12/2014 các đơn vị báo cáo phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư 31 thay thế cho Thông tư 21. Tuy nhiên, sau thời điểm 01/12/2014 sẽ có một số dữ liệu theo quy định của Thông tư 21 vẫn còn thời hạn gửi dữ liệu ngày. Do vậy, NHNN sẽ duy trì hai hệ thống phần mềm chạy song song để đáp ứng việc gửi dữ liệu theo Thông tư 21 và Thông tư 31. Cụ thể như sau:

- Từ thời điểm ngày 01/12/2014:

+ Để gửi báo cáo theo quy định tại Thông tư 21 các đơn vị kết nối đến địa chỉ <https://bctk21.sbv.gov.vn>;

+ Để gửi báo cáo theo quy định tại Thông tư 31 các đơn vị kết nối đến địa chỉ <https://bctk.sbv.gov.vn>.

- Đơn vị gửi báo cáo cài đặt 02 chương trình TAD riêng biệt kết nối đến 02 địa chỉ trên để gửi báo cáo theo Thông tư 21 và Thông tư 31.

- Tất cả các báo cáo có ngày dữ liệu phát sinh từ ngày 01/12/2014 phải được gửi trên phần mềm báo cáo thống kê theo Thông tư 31.

- Hệ thống phần mềm báo cáo thống kê theo Thông tư 21 sẽ được duy trì đến ngày 30/12/2014 để nhận dữ liệu của các đơn vị báo cáo.

III. Tập huấn sử dụng phần mềm Báo cáo thống kê theo Thông tư 31

Ngân hàng Nhà nước sẽ tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Báo cáo thống kê theo Thông tư 31 cho các đơn vị NHNN, TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thời gian dự kiến: đầu quý IV/2014.

Căn cứ hướng dẫn trên đây, đề nghị thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo triển khai. Quá trình thực hiện có vướng mắc, xin liên hệ Phòng Kỹ thuật 1- Cục Công nghệ tin học (ĐT: 04.38345179, 04.37731385; Fax: 04.38345180) hoặc Chi Cục Công nghệ tin học (ĐT: 08.38223445; Fax: 08.38225398) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ Nguyễn Toàn Thắng;
- PTĐ Nguyễn Đồng Tiến;
- Vụ DBTKTT (để phối hợp);
- Chi Cục CNTH (để phối hợp);
- Lưu VP, CNTH.

Đính kèm:

- Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
- (tải về từ trang web www.sbv.gov.vn
chuyên mục Các hoạt động khác của NHTW/
Công nghệ thông tin – truyền thông/Hỗ trợ kỹ thuật).

TL. THỐNG ĐỐC
CỤC TRƯỞNG CỤC CÔNG NGHỆ TIN HỌC




Lê Mạnh Hùng